TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/DSST;
Ngày: 12/7/2017;
V/v: "*Hợp đồng vay tài sản* ";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Phạm Đình Thị Minh Nguyệt.
2.Bà Nguyễn Lê Anh Thư.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm*:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2017/TLST - DS, ngày 01 tháng 3 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST – DS, ngày 02 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2017/QĐST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Phi L, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thanh Ng, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường V, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn ông Trần Phi L trình bày: Ông Nguyễn Tấn Th đã nhiều lần vay tiền của ông, cụ thể: Vào ngày 12/10/2015 ông có cho ông Th vay số tiền 25.000.000 đồng, ngày 29/10/2015 ông Th vay số tiền 35.000.000 đồng, ngày 16/6/2016 ông Th vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Th vay là 110.000.000 đồng. Trong cả 03 lần vay thì ông đều lập giấy mượn tiền do ông đánh máy sẵn, ông Th đã ký tên vào góc trái của Giấy mượn tiền, lãi suất tính 15.000đ/1.000.000đ/tháng.

Trong 02 lần vay đầu thì ông Th đã trả nợ xong, lần vay năm 2016 thì ông Th trả được 10.000.000 đồng, cụ thể: Năm 2016 ông Th cùng với ông Th đến nhà ông trả 30.000.000 đồng; Khoảng vài tháng sau thì vợ ông Th là Trần Thị Thanh Ng trả cho ông 02 lần, lần 1 trả 20.000.000 đồng, lần 2 trả 10.000.000 đồng; Sau đó ông Th một mình đến trả cho ông 10.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Th, bà Ng trả cho ông là 70.000.000 đồng. Như vậy số tiền ông Th còn nợ ông là 40.000.000 đồng, vì vậy ông yêu cầu ông Th phải trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng.

Trong những lần ông Th vay tiền thì có thế chấp cho ông 02 giấy đăng ký xe máy biển số 85V1-3471 và 85B1-37769 và 01 sổ hộ khẩu hộ Nguyễn Văn H. Khi bà Ng đến trả tiền thì ông đã trả lại 02 giấy đăng ký xe, do ông Th vẫn còn nợ nên ông còn giữ 01 sổ hộ khẩu.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn Th trình bày: Ông có vay tiền của ông Trần Phi L 02 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, đến ngày 16/6/2016 ông L soạn sẵn giấy mượn tiền ghi số tiền cho mượn là 50.000.000 đồng, thời hạn mượn 6 tháng kể từ ngày 16/6/2016. Khi mượn tiền ông có thế chấp 02 giấy đăng ký xe mô tô biển số 85V1-3471, biển số 85B1-37769 đứng tên Nguyễn Tấn Th và 01 sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Văn H làm chủ hộ. Sau đó thì ông trả tiền cho ông L 02 lần hết số tiền nợ, lần đầu trả số tiền 24.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 4.000.000 đồng) đi cùng với ông Nguyễn Đinh Th và ông Nguyễn Thành N; Lần hai ông trả hết số tiền còn lại. Cả hai lần trả ông đều không yêu cầu ông L viết giấy biên nhận cũng như không yêu cầu ông L giao lại cho ông giấy mượn tiền. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thanh Ng trình bày: Bà không có nhớ rõ ngày tháng nhưng bà có nghe ông Nguyễn tấn Th nói với bà là có mượn của ông L số tiền 30.000.000 đồng. Do ông Th làm ăn đổ nợ nên bà đã trả cho ông L lần đầu số tiền 10.000.000 đồng, lần 2 trả tiếp số tiền 20.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông L lập giấy biên nhận, sau khi trả thì ông L có trả lại cho bà 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 85B1-37769. Bà nghĩ là số tiền nợ đã trả xong, nay ông L khởi kiện yêu cầu ông Th trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng thì bà không ý kiến, vì số tiền ông Th mượn của ông Long để sử dụng riêng. Riêng số tiền 30.000.000 đồng bà trả thay cho ông Th bà không buộc ông Th phải trả lại cho bà.

Kiểm sát viên phát biểu việc kiểm sát về thủ tục tố tụng dân sự: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, thư ký tòa án và hội đồng xét xử về thụ lý xét xử sơ thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 26, khoản 1 điều 35, 63, 225 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92, 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phi L, bởi lẽ: Bị đơn ông Nguyễn Tấn Th thừa nhận ông có ký vào giấy mượn tiền ngày 16/6/2016 và tự tay viết dòng chữ "Có mượn số tiền ghi trên giấy là đúng, thề có thật tôi mượn tiền"; Ông Th trình bày đã trả hết nợ cho ông L nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh và khi hai bên thỏa thuận vay mượn thì có thế chấp 02 giấy đăng ký xe mô tô và 01 sổ hộ khẩu, ông Th, bà Ng xác nhận đã nhận lại 02 giấy đăng ký xe mô tô, còn hộ khẩu hiện ông L vẫn còn giữ - Chứng tỏ ông Th vẫn chưa trả hết nợ cho ông L; Đồng thời căn cứ vào chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định ông L khởi kiện yêu cầu ông Th hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Trần Phi L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình buộc ông Nguyễn Tấn Th phải hoàn trả số tiền vay 40.000.000 đồng; Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là "Giấy *mượn tiền ngày 16/6/2016 số tiền mượn 50.000.000 đồng*" có chữ ký, chữ viết họ và tên Nguyễn Tấn Th. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự là "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2017 ông Nguyễn Tấn Th thừa nhận ông có ký vào giấy mượn tiền ngày 16/6/2016 và tự tay viết dòng chử "Có mượn số tiền ghi trên giấy là đúng, thề có thật tôi mượn tiền", ông Th trình bày đã trả cho ông L 24.000.000 đồng có anh Nguyễn Thành N chứng kiến, sau đó thì trả hết số tiền còn lại; Tòa án tiến hành tống đạt công khai đối chất 02 lần nhưng ông Th không chấp hành. Ông Th cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh.

Trong quá trình giải quyết ông Trần Phi L cung cấp thêm giấy mượn tiền ngày 12/10/2015 ông cho ông Th vay số tiền 25.000.000 đồng, giấy mượn tiền ngày 29/10/2015 ông cho ông Th vay số tiền 35.000.000 đồng. Tổng số tiền ông L cho vay là 110.000.000 đồng. Ông L xác nhận đã nhận số tiền trả nợ của ông Th 02 lần (Lần 1: 30.000.000 đồng, lần 2: 10.000.000 đồng), nhận số tiền trả nợ của bà Ng 02 lần (Lần 1: 10.000.000 đồng, lần 2: 20.000.000 đồng). Tổng số tiền ông Th, bà Ng trả 70.000.000 đồng. Ông L khẳng định ông Th vẫn còn nợ của ông số tiền 40.000.000 đồng. Tòa án tống đạt trực tiếp thông báo công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng ông Th, bà Ng không chấp hành, đồng nghĩa từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận việc ông L khởi kiện yêu cầu và cung cấp chứng cứ là có căn cứ.

Mặt khác, nếu ông Th, bà Ng cho rằng đã trả hết nợ và xác nhận ông L đã giao trả lại 02 giấy đăng ký xe mô tô biển số 85V1-3471, biển số 85B1-37769; Nhưng ông L vẫn còn giữ lại 01 sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Văn H làm chủ hộ (Trong sổ hộ khẩu của ông H có khẩu của ông Nguyễn Tấn Th). Điều này chứng tỏ ông Th vẫn chưa trả hết nợ cho ông L. Do vậy căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định ông L khởi kiện yêu cầu ông Th hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng là có cơ sở.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn Th phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Phi Lkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: khoản 1 điều 147, điều 227, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14;

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phi L.

Buộc ông Nguyễn Tấn Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Phi L số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn Th phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Phi L không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho ông Trần Phi L số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0012588 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án văn.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.PRTC;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Anh Nga